

Bản án số: **257/2022/HC-PT**

Ngày 18/11/2022

V/v “*Kiến quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán:

Ông **Phạm Tồn**

Ông **Lê Phước Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 119/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “*Kiến quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị T.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân Q. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Tấn P - Luật sư, thuộc Văn

phòng luật sư TP. Địa chỉ: Số 11B, Đường N, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ1. Địa chỉ: Số 01, Đường H1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D – Chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Bà Nguyễn Thị H2 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: Số 01, Đường H1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Hồng O - Trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: Số 01, Đường H1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Anh Q1 - Công chức địa chính xây dựng phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: Đường Thanh Niên, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Họ Trần Kim làng TĐ, người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Q2. Địa chỉ: thôn P1, xã T1, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Bà Trần Thị G. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đông, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

5. Bà Trần Thị Hòe. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

6. Ông Trần Văn M. Địa chỉ: Khu phố 7, Phường 3, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

7. Ông Trần Xuân Q. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

8. Bà Trần Thị X. Địa chỉ: Thôn Trúc Khê, xã T1, huyện C, tỉnh Quảng Trị,

vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/10/2019, 01/3/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Giai đoạn trước năm 1975, gia đình bà T san lấp hồ bom và khai hoang sử dụng diện tích đất 410m², tại Khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị để trồng rau màu, nay thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20. Năm 2014, ông Trần Văn X1 bố của bà T chết nên bà T tiếp tục quản lý và canh tác phần đất trên. Hơn 40 năm gia đình bà T sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2017, khi chính quyền địa phương tiến hành giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường nối từ HS đến đường XA. Chủ tịch UBND phường Đ đã ký vào Bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20 (*Trong đó, có 410m² diện tích đất do gia đình bà T sử dụng trước năm 1975*) để quy chủ cho Họ Trần làng TĐ là không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình bà T. Vì trên thực tế không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc UBND tiến hành niêm yết công khai sau khi lập phiếu lấy ý kiến khu dân cư xác nhận nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất và nếu có thì việc niêm yết cũng không đảm bảo thời hạn luật định, về quy trình giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định thì Chủ tịch UBND thành phố Đ1 phải tổ chức đối thoại nhưng lại giao việc đối thoại cho Phó Chánh thanh tra thành phố Đông làm chủ trì là không đúng. Mặt khác, gia đình bà T là người trực tiếp sử dụng ổn định, lâu dài trên thực tế và đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 101 của Luật đất đai năm 2013.

Vì vậy, bà T đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND phường Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ1 cho rằng hành vi của ông Hoàng Kim Th - Chủ tịch UBND phường Đ quy chủ thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20 (*trong đó có 410m² đất do gia đình bà T sử dụng trước năm 1975*) cho Họ Trần làng TĐ là trái quy định pháp luật nhưng không được chấp nhận. Cho nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại (*lần 2*) số 2456/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 và Quyết định giải quyết khiếu nại (*lần đầu*) số 57/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ.

Theo Công văn số 194/UBND-TTr ngày 29/01/2021, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ1, người đại

diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Căn cứ khoản 1 Điều 33 của Luật khiếu nại năm 2011 thì việc UBND thành phố Đ1 thụ lý, xem xét giải quyết khiếu nại lần hai đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại và các pháp luật có liên quan.

Về nội dung: Thừa đất 3/1 bà T cho rằng gia đình bà khai hoang và sử dụng từ năm 1968 cho đến nay là không đúng, vì:

Theo bản đồ địa chính 1993, thửa đất trên thuộc thửa 812, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.667m² do Họ Trần làng TĐ quản lý và kê khai; theo hồ sơ địa chính năm 2001, thửa đất trên thuộc thửa 03, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.506m² do Nhà thờ đứng tên kê khai; theo Sổ mục kê năm 2013, thửa đất trên do Họ Trần làng TĐ kê khai và quản lý.

Mặt khác, quá trình làm việc với những người làm chứng đã xác nhận thời điểm sử dụng đất của bà Trần Thị T gồm: ông H3 Văn D1, Hà Văn M2, Hoàng Đ2, Hà Văn Kh, Hà Thanh Ng, Hà Văn B, Hà Thị Th1, những người này đều thừa nhận chỉ xác nhận việc gia đình bà T có dựng chuồng trâu, trồng rau màu trên một phần đất hiện nay quy chủ cho Họ Trần làng TĐ.

Quá trình sản xuất hoa màu, bà T cũng như các hộ gia đình khác có nhu cầu sử dụng nước tưới tiêu thì đều phải nộp thủy lợi phí cho HTX nên việc bà T cung cấp giấy xác nhận thủy lợi phí không phải là căn cứ xác nhận nguồn gốc đất theo quy định khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai.

Từ những căn cứ trên, thấy rằng việc bà T khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện chủ tịch UBND phường Đ trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp nêu trên có nguồn gốc trước năm 1972 do gia đình ông Nguyễn Thanh Toàn sử dụng, sau đó ông Toàn tập kết ra Bắc nên thửa đất bỏ hoang. Sau năm 1975, thửa đất này được Hợp tác xã TĐ sử dụng đến Hợp tác xã C1 sử dụng. Trong đó, có ông Trần X1 (Bố bà T) là xã viên của Hợp tác xã nên được Hợp tác xã giao cho ông X1 1 con trâu và dựng chuồng trâu trên một phần diện tích đất mà bà T đang tranh chấp. Sau đó, diện tích đất trên được bỏ hoang do Nhà nước quản lý. Đến năm 1993, Họ Trần làng TĐ xin đất làm nhà thờ và kê khai tại bản đồ địa chính năm 1993 với diện tích 1.667m², tại thửa 812, tờ bản đồ số 07. Năm 1996, Họ Trần xây dựng nhà thờ và giao cho ông Trần X1 sản xuất trên một phần diện tích đất để lo hương khói cho nhà thờ. Đến năm 1997, Họ Trần giao cho ông Trần Văn H3 sản xuất để lo hương khói nhưng ông H3 không sản xuất mà để cho bà T (con

ông X1) tiếp tục sản xuất cho đến nay. Theo bản đồ địa chính năm 1993, sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 2001, 2013 đều thể hiện Hộ Trần làng TĐ đứng tên kê khai với loại đất tín ngưỡng. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa UBND phường Đ và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của UBND phường Đ trình bày:

Căn cứ Điều 17 của Luật giải quyết khiếu nại 2011 thì việc Chủ tịch UBND phường Đ thụ lý, xem xét giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của bà Trần Thị T là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại và các văn bản có liên quan.

Về nội dung: Căn cứ bản đồ đo đạc năm 1993 thể hiện thửa đất đang tranh chấp tại thửa 812, tờ bản đồ số 07, diện tích 1667m². Đến năm 2001, thực hiện công tác đo đạc nên thửa đất trên chuyển thành thửa đất 03, tờ bản đồ 20, diện tích 1506m². Từ năm 1993 đến năm 2001 việc đăng ký, kê khai thửa đất này đều thể hiện là đất Nhà thờ họ Trần. Vì vậy, Chủ tịch UBND phường Đ thay mặt UBND phường Đ ký vào Bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất trên khi giải phóng mặt bằng xây dựng công trình từ đường HS đến đường XA là đúng thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn Sanh là người đại diện Hộ Trần Kim làng TĐ trình bày:

Năm 1993, Hộ Trần Kim làng TĐ có đơn xin giao đất và được UBND phường Đ đồng ý nên tại sổ mục kê và bản đồ địa chính 1993 thể hiện thửa đất bà T đang khởi kiện được quy chủ cho Hộ Trần làng TĐ. Đến năm 1996, Hộ Trần đã tiến hành xây dựng nhà thờ họ và sử dụng cho đến nay. Sau khi xây Nhà thờ họ xong, Hộ Trần giao cho ông Trần X1 (lúc đó là người đại diện hương khói cho Nhà thờ họ) sản xuất trên một phần diện tích của Hộ Trần để lo hương khói. Đến năm 1997, ông Trần Văn H3 được Hộ Trần giao cho việc hương khói tại Nhà thờ họ và sản xuất trên diện tích đất mà trước đây Nhà thờ họ giao cho ông Trần X1 sản xuất nhưng ông H3 không sản xuất mà giao cho bà Trần Thị T (con ông X1) sản xuất cho đến nay. Tuy nhiên, diện tích đất trên được Hộ Trần kê khai, đăng ký vào sổ mục kê và bản đồ địa chính 1993, 2001, 2013, thể hiện tại thửa 03, tờ bản đồ 20, diện tích 1506m², loại đất tín ngưỡng. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị G, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Hòe, ông Trần Văn M, ông Trần Xuân Q trình bày:

Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND phường Đ. Do Chủ tịch UBND phường Đ đã ký xác nhận quy chủ diện tích đất 410m², thuộc thửa 03, tờ bản đồ 20, có nguồn gốc được ông Trần X1 khai hoang, san lấp hố bom và sử dụng ổn định từ trước năm 1975 cho Họ Trần làng TĐ là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, bà G, bà X, ông M và ông Q đều thống nhất với nội dung bà T đã trình bày đồng thời giao cho bà T toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án trên.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 17, khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 30, Điều 37, Điều 39 của Luật khiếu nại; điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ; đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2456/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự phải chịu.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/05/2022 bà Trần Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo, bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan nhưng bác yêu cầu khởi kiện của bà T là không đúng pháp luật, do vậy bà T yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Xuân Q, người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Thửa đất đang có khiếu kiện, thửa số 3/1, được tách ra từ thửa số 3, tờ Bản đồ số 20, có nguồn gốc do Hợp tác xã TĐ, sau đó Hợp tác xã C1 quản lý, sau năm 1975 Hợp tác xã giao phần

đất thuộc thửa 3/1 nói trên cho ông Trần X1 sử dụng, sản xuất hoa màu, sau đó Hợp tác xã có cấp cho ông X1 một con trâu, cho ông X1 xây dựng chuồng trâu trên thửa đất này, việc sử dụng phần đất nói trên của cha con ông X1, bà T mọi người dân ai cũng biết, Họ Trần làng TĐ, UBND phường Đ cũng ghi nhận tại nhiều văn bản, năm 2017 Nhà nước thu hồi đất cũng đã bồi thường tài sản cho bà T, Sổ mục kê không phải là giấy tờ pháp lý về nguồn gốc đất, Họ Trần không sử dụng thửa đất và không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà T đang sử dụng, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, sửa Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm, xem xét kháng cáo của người khởi kiện xét thấy:

[1] Xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.506m² tại khu phố 5, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, trong thửa đất nêu trên có 02 phần, một phần thuộc thửa đất số 03 có diện tích 1.196m² đang có Nhà thờ họ Trần làng TĐ và một phần được tách ra thành thửa đất số 3/1 có diện tích 410 m², đang có tranh chấp, khiếu kiện.

Xem xét nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 3/1, tờ bản đồ số 20 diện tích 410m² nói trên, xét thấy, đây là thửa đất nông nghiệp, từ năm 1975 được hợp tác xã TĐ và hợp tác xã C1 quản lý, HTX có giao đất hay không thì không có tài liệu, tuy nhiên về thực tế theo trình bày của ông Hoàng Kim Th Chủ tịch UBND phường Đ trong Biên bản làm việc ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có nội dung, sau năm 1975 ông Trần X1 dựng chuồng trâu trên thửa đất (*Bút lục 135*), tại lời trình bày của hầu hết người biết sự việc đều thể hiện: Ông Trần X1 là xã viên Hợp tác xã trực tiếp sử dụng thửa đất sau năm 1975, sau khi được Hợp tác xã giao cho một con trâu, ông X1 đã làm chuồng trâu trên phần đất thửa 3/1 và canh tác sản xuất trên phần đất còn lại, nhưng về thủ tục pháp lý là họ không nắm, đến năm 2014 ông X1 mất thì bà Trần Thị T là con gái ông X1 tiếp tục canh tác sử dụng thửa đất nói trên, tại Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 UBND thành phố Đ1 “*Về việc phê duyệt phương án BTHT đợt 2 để giải phóng mặt bằng xây dựng đường nối từ HS đến đường XA thuộc dự án xây dựng HTGT thành phố Đ1*” của UBND thành phố Đ1 cũng đã bồi thường cây cối trên đất cho bà T đang sử dụng với số tiền 1.100.000 đồng (*Bút lục 202*).

[2] Xem xét việc sử dụng đất và các thủ tục, hồ sơ liên quan quyền sử dụng đất của họ Trần Kim làng TĐ thấy rằng, theo bản đồ địa chính lập năm 1993, thửa đất số 812, tờ Bản đồ 07, diện tích 1.667m^2 , theo hồ sơ địa chính lập năm 2001, thửa đất số 03, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.506m^2 và theo Sổ mục kê lập năm 2013 thể hiện thửa đất nói trên họ Trần đứng tên, ngoài các tài liệu nêu trên, tại hồ sơ vụ án không có Đơn xin giao đất của Họ Trần Kim, không có hồ sơ đăng ký đất đai, hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ, xem xét Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 01/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (*Bút lục 38 đến 40*), khuôn viên đất có nhà thờ họ Trần sử dụng diện tích 1.060m^2 , đại diện họ Trần là ông Trần Văn Sanh, ông Trần Ngọc Ký có ký xác nhận số liệu đo đạc, tại Biên bản đối chất lúc 14h00 ngày 11/03/2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (*Bút lục 121 đến 123*) ông Trần Ngọc Ký và ông Trần Đăng Khoa trình bày, Họ Trần xây dựng nhà thờ và sử dụng diện tích 1.167m^2 , phần diện tích còn lại bà T sử dụng, năm 1993 họ Trần Kim làng TĐ có Đơn xin đất để làm nhà thờ họ Trần, được chính quyền chấp nhận, năm 1996 thì xây dựng nhà thờ. Như vậy, tuy về hồ sơ địa chính, sổ mục kê thể hiện diện tích đất của họ Trần Kim là 1.667m^2 (*Theo bản đồ 1993*), 1.506m^2 (*theo hồ sơ 2013*), 1060m^2 (*theo hiện trạng đo đạc thực tế*), những người đại diện cho họ Trần cũng đều thừa nhận ông Trần X1 sử dụng phần đất thuộc thửa 3/1 để làm chuồng trâu và sản xuất hoa màu trước khi họ Trần Kim làng TĐ xây dựng nhà thờ, từ trước đến nay Họ Trần không sử dụng phần đất mà ông X1, bà T sử dụng.

Mặt khác, năm 2017, Ủy ban nhân dân phường Đ và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tiến hành kiểm kê và lập phương án bồi thường theo hồ sơ đo đạc của Công ty TNHH MTV khảo sát và đo đạc Bình Nguyên (*do Công ty hợp đồng với Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố Đồng Hà*) thì về phía họ Trần đã biết có 02 thửa đất (*số 3 và số 3/1, Tờ bản đồ số 20*), việc đo đạc diện tích, kiểm đếm tài sản và công khai, phía Họ Trần không có khiếu nại hoặc thắc mắc gì.

Việc đại diện họ Trần khai có cho ông Trần X1 sử dụng đất để lấy hoa lợi lo hương khói là không có căn cứ và không đúng pháp luật, hơn nữa ông X1 là người sử dụng đất trước khi họ Trần Kim xin đất và làm nhà thờ.

Từ những nội dung trên, có cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất là của Nhà nước, các Hợp tác xã TĐ, Hợp tác xã C1 đã quản lý và cho ông Trần X1 là xã viên sử dụng canh tác sản xuất từ sau năm 1975 cho đến nay, quá trình sử dụng ông X1 có bồi đắp 02 hố bom, cải tạo đất để trồng hoa màu và nhiều loại cây trên đất, về thủ tục thì ông X1, bà T không đăng ký, kê khai theo qui định của Luật đất đai, quá trình sử dụng đất của ông X1, bà T chỉ nộp tiền thuê lợi phí đến năm 2014, có Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Đ xác nhận, việc sử dụng đất tại thửa đất số 3/1 của ông X1, bà T được rất nhiều người làm chứng xác nhận là thực tế, liên tục và ổn định hơn 40 năm qua không có tranh chấp và cũng được UBND phường Đ xác nhận, theo quy định tại Khoản 2, Điều 101 Luật đất đai năm 2013, các Điều 20, 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ thì trường hợp sử dụng đất của ông X1, bà T có đủ điều kiện để xem xét cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa 3/1, tờ bản đồ số 20.

Đối với nhà thờ Họ Trần Kim làng TĐ tuy có thể hiện việc đăng ký đất đai trên bản đồ địa chính lập năm 1993, hồ sơ địa chính lập năm 2001, và Sổ mục kê lập năm 2013 nhưng không có giấy tờ pháp lý gì chứng minh về nguồn gốc đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Điều 31, 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và khoản 2, Điều 18 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hồ sơ địa chính nêu trên là những dữ liệu quản lý của Nhà nước, chỉ là điều kiện xem xét khi đề cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, về thực tế từ năm 1993 đến nay Họ Trần không sử dụng thửa đất 3/1, tài sản trên thửa đất nói trên là của ông X1 và bà T.

[3] Xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2456/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1, xét thấy:

Thực hiện Dự án xây dựng đường nối từ HS đến đường XA thuộc dự án xây dựng HTGT thành phố Đ1, ngày 24/02/2017 UBND thành phố Đ1 đã ban hành Thông báo số 31/TB-UBND về việc thu hồi đất xây dựng công trình, theo Thông báo nói trên đã xác định “*Bà Trần Thị T sử dụng thửa đất 3/1, tờ bản đồ số 20, diện tích 410m², thu hồi 91m², loại đất BHK*”, Thông báo trên không phát sinh khiếu nại hoặc tranh chấp gì, tuy nhiên UBND phường Đ cho rằng nguồn gốc đất đã được quy chủ cho Họ Trần nên đã lập lại thủ tục.

Xem xét tài liệu xác định lại nguồn gốc đất, xét thấy tại “*Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất*” ngày 25/12/2017, của UBND phường Đ có 05 người tham gia gồm các ông H3 Nhất Ly, Hà Mai Châu Lê Liệu, Hà Khương và Trần Trung Thủy ở Khu phố 5 Đ ký xác nhận nội dung “*Thời điểm Họ Trần bắt đầu sử dụng vào mục đích đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận từ năm 1975*” (Bút lục 210). Sau đó 03 ngày thì UBND phường Đ ký Báo cáo số 172/BC-UBND ngày 28/12/2017, điều đó chứng tỏ vừa không đúng về nguồn gốc đất vừa không thực hiện đúng việc niêm yết lấy ý kiến về nguồn gốc đất theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 19/04/2017 ông Hoàng Kim Th Chủ tịch phường Đ ký Bản tổng hợp báo cáo về nguồn gốc đất kèm theo Báo cáo số 49/UBND gửi Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ1 xác định nguồn gốc đất có “*Nhà thờ Họ Trần*” tại thửa số 03, tờ bản đồ số 20, diện tích 1506m² như sau: “*Nguồn gốc sử dụng đất của nhà thờ họ Trần được hình thành từ trước năm 1975, sử dụng ổn định không có tranh chấp đến nay*” kể cả tài sản trên đất cũng là tài sản của Nhà thờ Họ Trần tạo lập (Bút lục số 192, 200), do đó, tại Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 UBND thành phố Đ1 “*Về việc phê duyệt phương án BTHT đợt 2 để giải phóng mặt bằng xây dựng đường nối từ HS đến đường XA thuộc dự án xây dựng HTGT thành phố Đ1*” của UBND thành phố Đ1 cũng xác định nguồn gốc sử dụng đất và tài sản trên đất của nhà thờ họ Trần tạo lập và sử dụng từ trước năm 1975.

Việc xác định nguồn gốc, tài sản trên đất như trên là hoàn toàn không đúng, trái với thực tế và mâu thuẫn với chính những lời trình bày của ông Hoàng Kim Th có trong hồ sơ vụ án, như đã viện dẫn và phân tích ở phần nhận định [1] và [2] nhưng

tại phần Kết luận của Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-UBND cho rằng Bản tổng hợp báo cáo về nguồn gốc đất kèm theo Báo cáo số 49/UBND “*hoàn toàn đúng*” để không công nhận việc khiếu nại của bà T là không đúng pháp luật.

Xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 2456/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 xét thấy, Quyết định nói trên đã căn cứ vào Báo cáo số 49/UBND; Báo cáo số 172/BC-UBND của UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường Đ để không chấp nhận khiếu nại của bà T là không đúng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là không đúng pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Do chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử sửa phần Quyết định về án phí sơ thẩm, Chủ tịch UBND phường Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đ1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

1/ Áp dụng Điều 193; Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40, Luật khiếu nại; Các Điều 100; 101 Luật đất đai năm 2013 các Điều 20, 21, 31, 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; khoản 2, Điều 18 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2456/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ1 và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND phường Đ.

2/ Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch UBND thành phố Đ1 Chủ tịch UBND phường Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: bà Trần Thị T không phải chịu, hoàn trả

300.000 đồng tạm ứng án phí đã thu tại biên lai số AA/2010/000665 ngày 06/12/2019 của Cục thi thành án dân sự tỉnh Quảng Trị cho bà T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi